

Nội dung bài viết

1. [Hoạt động cơ bản - Bài 4A Tiếng Việt lớp 5 VNEN](#)
2. [Hoạt động thực hành - Bài 4A Tiếng Việt VNEN lớp 5](#)
3. [Hoạt động ứng dụng - Bài 4A Tiếng Việt 5 VNEN](#)

Hoạt động cơ bản - Bài 4A Tiếng Việt lớp 5 VNEN

Câu 1.

Quan sát bức tranh chủ điểm Cánh chim hoà bình và trả lời câu hỏi: Bức tranh vẽ cảnh gì?



Lời giải chi tiết:

Quan sát bức tranh em thấy:

- Bức tranh vẽ cảnh anh bộ đội đang bế một em nhỏ cùng các bạn thiếu nhi đứng xung quanh nhìn lên những cánh chim bồ câu trên bầu trời.
- Những cánh chim thể hiện cho sự hoà bình.

- Và một bạn không quên dâng tặng những bông hoa tươi thắm cho anh bộ đội khi anh đã chiến đấu để bảo vệ hoà bình cho đất nước.

Câu 2.

Những con sếu bằng giấy

Ngày 16-7-1945, nước Mỹ chế tạo được bom nguyên tử. Hơn nửa tháng sau, chính phủ Mỹ quyết định ném cả hai quả bom mới chế tạo xuống Nhật Bản.

Hai quả bom ném xuống các thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-sa-ki đã cướp đi mạng sống của gần nửa triệu người. Đến năm 1951, lại có thêm gần 100 000 người ở Hi-rô-si-ma bị chết do nhiễm phóng xạ nguyên tử.

Khi Hi-rô-si-ma bị ném bom, cô bé Xa-xa-cô Xa-xa-ki mới hai tuổi đã may mắn thoát nạn. Nhưng em bị nhiễm phóng xạ. Mười năm sau, em lâm bệnh nặng. Nằm trong bệnh viện nhắm đếm từng ngày còn lại của đời mình, cô bé ngây thơ tin vào một truyền thuyết nói rằng nếu gấp đủ một nghìn con sếu bằng giấy treo quanh phòng, em sẽ khỏi bệnh. Em liền lặng lẽ gấp sếu. Biết chuyện, trẻ em toàn nước Nhật và nhiều nơi trên thế giới đã tới tập gửi hàng nghìn con sếu giấy đến cho Xa-xa-cô. Nhưng Xa-xa-cô chết khi em mới gấp được 644 con.

Xúc động trước cái chết của em, học sinh thành phố Hi-rô-si-ma đã quyên góp tiền xây một tượng đài tưởng nhớ những nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại. Trên đỉnh tượng đài cao 9 mét là hình một bé gái giơ cao hai tay nâng một con sếu. Dưới tượng đài khắc dòng chữ: "Chúng tôi muốn thế giới này mãi mãi hoà bình".

Theo Những mẫu chuyện lịch sử thế giới



Câu 3.

- Bom nguyên tử: bom có sức sát thương và công phá mạnh gấp nhiều lần bom thường.
- Phóng xạ nguyên tử: chất sinh ra khi bom nguyên tử nổ, rất có hại cho sức khỏe
- Truyền thuyết: loại truyện dân gian về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử nhưng mang nhiều yếu tố thần kì.

Câu 4.

- Học sinh phân công nhau đọc từng đoạn theo phân công của giáo viên.
- Chú ý: đọc đúng, to và rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ

Câu 5.

Thảo luận, trả lời câu hỏi:

(1) Chuyện gì đã xảy ra với Xa-xa-cô?

Em chọn ý đúng để trả lời

- a. Phải chứng kiến những người chết vì bom nguyên tử.
- b. Bị nhiễm phóng xạ do bom nguyên tử và bị lâm bệnh nặng.

c. Tìm được cách thoát nạn, không bị nhiễm phóng xạ nguyên tử.

(2) Xa-xa-cô đã làm gì để hi vọng kéo dài cuộc sống?

Em chọn ý đúng để trả lời:

a. Nằm trong bệnh viện, nhắm đếm từng ngày của cuộc đời.

b. Tin vào truyền thuyết, lặn lẽ gấp cho đủ một nghìn con sếu giấy.

c. Kêu gọi mọi người gấp đủ một nghìn con sếu giấy cho mình.

(3) Các bạn nhỏ đã làm gì?

- Để thể hiện mong ước thiết tha cho Xa-xa-cô được sống.

- Để bày tỏ nguyện vọng hòa bình.

(4) Nếu được đứng trước tượng đài, em sẽ nói gì với Xa-xa-cô?

Lời giải chi tiết:

(1) Chuyện đã xảy ra với Xa-xa-cô là:

Đáp án: b. Bị nhiễm phóng xạ do bom nguyên tử và bị lâm bệnh nặng.

(2) Để hi vọng kéo dài cuộc sống, Xa - xa - cô đã:

Đáp án: b. Tin vào truyền thuyết, lặn lẽ gấp cho đủ một nghìn con sếu giấy.

(3) Hành động của các bạn nhỏ:

- Để thể hiện mong ước thiết tha cho Xa-xa-cô được sống, các bạn nhỏ trên toàn nước Nhật và nhiều nơi trên thế giới đã tấp gửi đến cho Xa - đa - cô hàng ngàn con sếu bằng giấy.

- Để bày tỏ nguyện vọng hoà bình: Khi Xa - đa - cô mất, các bạn nhỏ đã quyên góp tiền xây tượng đài tưởng nhớ những nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại. Trên đỉnh tượng đài là hình ảnh một bé gái giơ cao hai tay nâng một con sếu. Dưới chân tượng đài khắc dòng chữ: "Chúng tôi muốn thế giới này mãi mãi hòa bình".

(4) Nếu được đứng trước tượng đài, em có thể nói những suy nghĩ của mình với Xa - xa - cô: chúng tôi căm ghét chiến tranh, sự ra đi của bạn nhắc nhở mọi người trên thế giới cần chống lại chiến tranh, bảo vệ hòa bình cho thế giới.

Câu 6.

Tìm hiểu về từ trái nghĩa:

(1) So sánh nghĩa của các từ in đậm trong câu sau để hiểu thế nào là từ trái nghĩa:

*Chúng ta phải biết **giữ gìn**, không được **phá hoại** môi trường.*

(2) Tìm những từ trái nghĩa với nhau trong câu tục ngữ sau: Chết vinh còn hơn sống nhục

(3) Câu tục ngữ trên muốn nói đi đâu gì? Cách dùng các từ trái nghĩa trong câu tục ngữ có tác dụng gì?

Lời giải chi tiết:

(1) So sánh nghĩa từ in đậm:

- Giữ gìn: giữ cho nguyên vẹn, không để hư hỏng.

- Phá hoại: cố ý làm cho hỏng.

→ Từ "giữ gìn" và "phá hoại" là hai từ trái nghĩa

(2) Trong câu tục ngữ: Chết vinh còn hơn sống nhục

→ Từ "vinh" và "nhục" là hai từ trái nghĩa

(3) Câu tục ngữ trên nêu bật quan niệm sông cao đẹp của người Việt Nam, thà chết mà được mọi người kính trọng còn hơn sống trong sự khinh bỉ của người đời. Cách dùng các từ trái nghĩa trong câu tục ngữ có tác dụng làm nổi bật trạng thái đối lập nhau.

Hoạt động thực hành - Bài 4A Tiếng Việt VNEN lớp 5**Câu 1.**

Tìm những cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ dưới đây và ghi vào vở:

a. Gạn đục khơi trong.

b. Gân mực thì đen, gân đèn thì sáng.

c. Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần

Lời giải chi tiết:

a. Gạn đục khơi trong.

→ Cặp từ trái nghĩa là "đục" và "trong"

b. Gàn mực thì đen, gàn đèn thì sáng.

→ Cặp từ trái nghĩa là "đen" và "sáng"

c. Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

→ Cặp từ trái nghĩa là: "rách" và "lành"; "dở" và "hay".

Câu 2.

Điền vào chỗ trống một từ trái nghĩa với từ in đậm để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ sau:

a. **Hẹp** nhà ... bụng.

b. **Xấu** người ... nét.

c. **Trên** kính ... nhường.

Lời giải chi tiết:

Điền vào chỗ trống như sau:

a. **Hẹp** nhà **rộng** bụng.

b. **Xấu** người **đẹp** nét.

c. **Trên** kính **dưới** nhường.

Chơi trò chơi: Thi tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau:

a. hoà bình

b. yêu thương

c. đoàn kết

Lời giải chi tiết:

Từ trái nghĩa với mỗi từ là:

a. hoà bình trái nghĩa với chiến tranh, xung đột, mâu thuẫn

b. yêu thương trái nghĩa với thù hận, thù ghét, căm ghét.

c. đoàn kết trái nghĩa với chia rẽ, xung khắc

Câu 4.

Đặt hai câu để phân biệt một cặp từ trái nghĩa vừa tìm được ở hoạt động 3 và viết vào vở.

Lời giải chi tiết:

Học sinh tham khảo các câu sau:

- Đặt câu với cặp từ trái nghĩa: đoàn kết - chia rẽ

+ Nhờ sự đoàn kết, lớp em luôn đi đầu trong các hoạt động của trường.

+ Đội bóng chơi chia rẽ nên phải chịu thất bại.

- Đặt câu với cặp từ trái nghĩa: yêu thương - căm ghét:

+ Bố mẹ luôn quan tâm, yêu thương em bằng cả tấm lòng

+ Dưới sự cai trị tàn bạo của thực dân Pháp, nhân dân ta vô cùng căm ghét và thù hận

- Đặt câu với cặp từ trái nghĩa: hòa bình - mâu thuẫn

+ Để có cuộc sống hòa bình như hôm nay, biết bao chiến sĩ đã hi sinh trên chiến trường xa vắng

+ Lan và Bích có mâu thuẫn, do không bạn nào chịu nhận nhiệm vụ giữ khóa cửa cả.

Câu 5.

a) Nghe thầy cô đọc rồi viết vào vở

Anh bộ đội cụ Hồ gốc Bỉ

Phrăng Đơ Bô-en là một người lính Bỉ trong quân đội Pháp xâm lược Việt Nam. Nhận rõ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Nhận rõ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược, năm 1949, ông chạy sang hàng ngũ quân đội ta, lấy tên Việt là Phan Lăng. Một lần, rơi vào ổ phục kích, ông bị địch bắt. Địch dụ dỗ, tra tấn thế nào cũng không khuất phục được ông, bèn đưa ông về giam ở Pháp.

Năm 1986, Phan Lăng cùng con trai đi thăm Việt Nam, về lại nơi ông đã từng chiến đấu vì chính nghĩa.

b) Đổi bài với bạn để sửa lỗi

Câu 6.

a. Viết vần của các tiếng in đậm trong câu sau vào mô hình cấu tạo vần

Nhận rõ tính chất phi **nghĩa** của cuộc **chiến** tranh xâm lược, năm 1949, ông chạy sang hàng ngũ quân đội ta, lấy tên Việt là Phan Lăng.

Tiếng *Vần*
Âm đệm Âm chính Âm cuối
 Nghĩa
 Chiến

b. Tiếng nghĩa và tiếng chiến có gì giống nhau và có gì khác nhau về cấu tạo?

Lời giải chi tiết:

a. Viết vần của các tiếng in đậm trong câu sau vào mô hình cấu tạo vần:

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
Nghĩa		ia	
Chiến		iê	n

b. Tiếng nghĩa và tiếng chiến có:

- Giống nhau: có âm chính là nguyên âm đôi.
- Khác nhau: tiếng nghĩa không có âm cuối, tiếng chiến có âm cuối.

Câu 7. Thảo luận, nêu quy tắc ghi dấu thanh ở các tiếng trên.

Quy tắc ghi dấu thanh của các tiếng có thanh ghi như sau:

- Đối với tiếng có âm cuối, dấu thanh đặt ở chữ cái thứ hai của âm chính (nguyên âm đôi). Ví dụ: chiến
- Đối với tiếng không có âm cuối, đặt dấu thanh ở chữ cái thứ nhất của âm chính (nguyên âm đôi). Ví dụ: nghĩa.

Hoạt động ứng dụng - Bài 4A Tiếng Việt 5 VNEN

Cùng người thân thi đặt câu với từ trái nghĩa:

Lời giải chi tiết:

Người 1	Người 2
Bạn nam cao nhất lớp	Bạn Nga thấp nhất lớp
Chiếc bảng đen	Viên phấn trắng
Bạn Ngọc hát hay	Bạn Quang hát dở
Viên kẹo cứng	Chiếc bánh mềm.